1. **Học phần: VIẾT – NGỮ PHÁP IELTS - CẤP ĐỘ CƠ BẢN (PRE-IELTS 2)**
2. **Mã học phần:** ENG 1012
3. **Ngành:** Kiểm Toán
4. **Chuyên ngành:** Kiểm Toán
5. **Khối lượng học tập:** 2 tín chỉ
6. **Trình độ:** Đại học.
7. **Học phần điều kiện học trước:** Không
8. **Mục đích học phần**

Học phần này được thiết kế tập trung vào các điểm ngữ pháp tiếng Anh cơ bản. Nội dung học phần được trình bày trong 10 unit, mỗi unit gồm các bài học về kỹ năng ngữ pháp, bao gồm phần bài giảng của giáo viên ở lớp cùng với phần bài giáo viên hướng dẫn sinh viên tự học ở nhà.

9. **Chuẩn đầu ra học phần của học phần**

TT	Mã CĐR của học phần	Tên chuẩn đầu ra
1	CLO1	Hiểu và sử dụng được các thì trong tiếng Anh.
2	CLO2	Hiểu và sử dụng được qui tắc hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ.
3	CLO3	Hiểu và sử dụng được mạo từ và từ định lượng.
4	CLO4	Hiểu về đại từ nhân xưng; hiểu và sử dụng được qui tắc hoà hợp giữa đại từ nhân xưng và danh từ mà nó thay thế.
5	CLO5	Hiểu và sử dụng được các động từ khiếm khuyết, động từ ở thể bị động, mệnh đề tính từ.
6	CLO6	Hiểu và sử dụng được mệnh đề danh từ và câu tường thuật.

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình (PLO)

CĐR học phần/ CĐR chương trình	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1							X		X			
CLO2							X		X			
CLO3							X		X			
CLO4							X		X			
CLO5							X	X	X			
CLO6							X	X	X			
Tổng hợp theo học phần							**X**	**X**	**X**			

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ các buổi học ở lớp.
- Làm đầy đủ các bài tập được giao.
- Chia nhóm làm việc (4-5 bạn)
- Chủ động tự học và luyện tập ngoài giờ học chính khóa thông qua các tài liệu được đề xuất thêm trong mỗi buổi học.

11. Tài liệu học tập

11.1 Giáo trình

Understanding and Using English Grammar, Betty S. Azar & Stacy A. Hagen, Fourth Edition, Pearson Longman.

11.2 Tài liệu tham khảo

Essential Grammar in Use Supplementary Exercises, Helen Nayor & Raymond Murphy, Cambridge University Press.

12. Thang điểm: Theo thang điểm tín chỉ.

13. Nội dung chi tiết học phần

UNIT 1

PRESENT AND PAST; SIMPLE AND PROGRESSIVE

1.1. Simple Present and Present Progressive

1.1.1 Simple Present

1.1.2 Present Progressive

1.1.3 Non-Progressive Verbs

1.2. Simple Past and Past Progressive

1.2.1 Simple Past

1.2.2 Regular and Iregular Verbs (Hướng dẫn tự học)

1.2.3 Past Progressive

UNIT 2
PERFECT AND PERFECT PROGRESSIVE TENSES

2.1. Present Perfect and Present Perfect Progressive
2.1.1 Present Perfect
2.1.2 Present Perfect vs Simple Past
2.1.3 Present Perfect Progressive
2.2. Past Perfect and Past Perfect Progressive
2.2.1 Past Perfect
2.2.2 Past Perfect Progressive

UNIT 3
FUTURE TIME

3.1. Simple Future
3.1.1 Will vs Be Going To
3.1.2 Using Present Simple and Present Progressive to express future time (hướng dẫn tự học)
3.1.3 Expressing the Future in Time Clause
3.2. Future Progressive and Future Perfect
3.2.1 Future Progressive
3.2.2 Future Perfect and Future Perfect Progressive (hướng dẫn tự học)
3.3. Review of Verb Tenses

UNIT 4
SUBJECT – VERB AGREEMENT

4.1. Basic Subject – Verb Agreement
4.2. Subject – Verb Agreement: Using Expressions of Quantity
4.3. Subject – Verb Agreement: Using There + be (Hướng dẫn tự học)
4.4. Subject – Verb Agreement: Some Irregularities

UNIT 5
NOUNS

5.1. Nouns (Hướng dẫn tự học)
5.1.1 Regular and Irregular plural nouns
5.1.2 Possessive nouns
5.1.3 Nouns as Adjectives
5.1.4 Count and Noncount nouns
5.2. Basic Article Usage
5.2.1 Using A or No article: Generic nouns
5.2.2 Using A or Some: Indefinite nouns
5.2.3 Using The: Definite nouns
5.3. General Guidelines for Article Usage
5.4. Expressions of Quantity Used with Count and Noncount nouns

UNIT 6
PRONOUNS

6.1. Personal Pronouns
6.1.1 Personal Pronouns: Agreement with Generic Nouns and Indefinite Pronouns
6.1.2 Personal Pronouns: Agreement with Collective Nouns
6.2. Reflexive Pronouns (Hướng dẫn tự học)
6.3. Forms of *Other* (Hướng dẫn tự học)
6.4. Common Expressions with *Other* (Hướng dẫn tự học)

UNIT 7
MODALS

7.1. Basic Modal Introduction
7.1.1 Modal Auxiliaries
7.1.2 Phrasal Modals
7.2. Uses of Modals
7.2.1 Expressing Necessity: Must, Have to, Have got to
7.2.2 Lack of Necessity and Prohibition: Have to and Must in Negative
7.2.3 Advisability: Should, Ought to, Had better
7.2.4 Degree of Certainty: Present time (Hướng dẫn tự học)
7.3. Summary chart of Modals and Similar Expressions

UNIT 8
THE PASSIVE

8.1. **Active vs Passive**
8.2. **Tense Forms of the Passive**
8.3. **Using the Passive**
8.4. **The Passive Form of Modals and Phrasal Modals (Hướng dẫn tự học)**

UNIT 9
NOUN CLAUSES

9.1. **Noun Clauses: Introduction**
9.1.1 Noun Clauses Beginning with a Question Word
9.1.2 Noun Clauses Beginning with *whether* or *if*
9.1.3 Noun Clauses Beginning with *That*
9.2. **Reported Speech: Verb Forms in Noun Clauses**

UNIT 10
ADJECTIVE CLAUSES

10.1. **Adjective Clauses: Introduction**
10.1.1 Adjective Clause Pronouns used as the Subject
10.1.2 Adjective Clause Pronouns used as the Object
10.1.3 Using *Whose*
10.2. **Using *Where* and *When* in Adjective Clauses (Hướng dẫn tự học)**

14. Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra (CLO) và nội dung (chương) học phần

Chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	X					
2	X					
3	X					
4		X				
5			X			
6				X		
7					X	
8					X	X
9						
10					X	

15. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp giảng dạy, học tập (TLM)

STT	Mã	Tên phương pháp giảng dạy, học tập (TLM)		Nhóm phương pháp	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	**TLM1**	Giải thích cụ thể	Explicit Teaching	1	X	X	X	X	X	X
2	**TLM2**	Thuyết giảng	Lecture	1						
3	**TLM3**	Tham luận	Guest lecture	1						
4	**TLM4**	Giải quyết vấn đề	Problem Solving	2						
5	**TLM5**	Tập kích não	Brainstorming	2		X	X	X		
6	**TLM6**	Học theo tình huống	Case Study	2						
7	**TLM7**	Đóng vai	Role play	2						
8	**TLM8**	Trò chơi	Game	2						
9	**TLM9**	Thực tập, thực tế	Field Trip	2						
10	**TLM10**	Tranh luận	Debates	3						
11	**TLM11**	Thảo luận	Discussion	3				X		
12	**TLM12**	Học nhóm	Teamwork Learning	3						
13	**TLM13**	Câu hỏi gợi mở	Inquiry	4						
14	**TLM14**	Dự án nghiên cứu	Research Project	4						
15	**TLM15**	Học trực tuyến	TBA	5						
16	**TLM16**	Bài tập ở nhà	Work Assignment	6						
17	**TLM17**	Khác		7						

16. Phân bổ thời giantheo số tiết tín chỉ cho 2 tín chỉ(1 tín chỉ = 15 tiết)

Đơn vị bài học	Nội dung	Số tiết tín chỉ			Phương pháp giảng dạy
		Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Tổng số	
1	Unit 1: Present and Past; Simple and Progressive	2	1		TLM1, TLM5
2	Unit 2: Perfect and Perfect Progressive Tenses	2	1		TLM1, TLM5
3	Unit 2: Perfect and Perfect Progressive Tenses Unit 3: Future Time	2	1		TLM1, TLM5
4	Unit 3: Future Time Unit 4: Subject-Verb Agreement TLM1, TLM5	2	1		TLM1, TLM5
5	Unit 4: Subject-Verb Agreement Unit 5: Nouns	2	1		TLM1, TLM5
6	Unit 5: Nouns Unit 6: Pronouns	2	1		TLM1, TLM5
7	Unit 7: Modals	2	1		TLM1, TLM5
8	Unit 8: The Passive	2	1		TLM1, TLM5, TLM 11
9	Unit 9: Noun Clauses	2	1		TLM1, TLM5
10	Unit 10: Adjective Clauses	2	1		TLM1, TLM5
	Tổng	**20**	**10**	**30**	

17. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phương pháp đánh giá (AM)

STT	Mã	Tên phương pháp đánh giá		Nhóm phương pháp	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	**AM1**	Đánh giá chuyên cần	Attendance Check	1	X	X	X	X	X	X
2	**AM2**	Đánh giá bài tập	Work Assignment	1						
3	**AM3**	Đánh giá thuyết trình	Oral Presentation	1						
4	**AM4**	Đánh giá hoạt động	Performance test	2						
5	**AM5**	Nhật ký thực tập	Journal and blogs	2						
6	**AM6**	Kiểm tra tự luận	Essay	2						
7	**AM7**	Kiểm tra trắc nghiệm	Multiple choice exam	2	X	X	X	X	X	X
8	**AM8**	Bảo vệ và thi vấn đáp	Oral Exam	2					X	X
9	**AM9**	Báo cáo	Written Report	2						
10	**AM10**	Đánh giá thuyết trình	Oral Presentation	3						
11	**AM11**	Đánh giá làm việc nhóm	Teamwork Assessment	3						
12	**AM12**	Báo cáo khóa luận	Graduation Thesis/ Report	3						
13	**AM13**	Khác		4						

18. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá

STT	Tuần	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	10	Chương 1,2,3,4, 5,6,7	AM1, AM7	20%	X	X	X	X		
2	15	Chương 8,9,10	AM8	20%					X	X
4	Theo lịch	Toàn bộ		60%	X	X	X	X	X	X
			Tổng cộng	100%						

Xác nhận của Khoa/Bộ môn